TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21** /2023/HSST
Ngày: 31-03-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đồng Tịnh
Bà Vũ Thị Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Là thư ký Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên: Ông Thái Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Tp. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 10/3/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 21/3/2023 đối với bị cáo:

1. Huỳnh Minh T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 02/5/1992. Nơi ĐKHKTT: tổ 23 phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Trình độ văn hóa 5/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông: Huỳnh Minh Đ (đã chết) và bà Lê Thị Q (1948). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; Vợ tên là: Huỳnh Thị Thanh B (sn: 1992). Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Về nhân thân: Ngày 23/8/2012 bị TAND TP Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/01/2013;

Ngày 25/9/2013 bị TAND quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/9/2014.

Bị cáo bị bắt ngày 18/11/2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận S thành phố Đà Nẵng. có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh T: Ông Thái Quốc V, sinh năm: 1984 – Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng cử. Địa chỉ: 219 H, quận, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- **Người bị hại**: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm: 2001, Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, T, T, Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: K211/88 N, phường P, quận S, TP Đà Nẵng. vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị Thanh B, sinh năm: 1992, Nơi ĐKHKTT: H03/11, 906 N, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. vắng mặt

- Ông Thái Quang C, sinh năm: 1983, Nơi ĐKHKTT: Tổ 17 phường H, quận N, TP Đà Nẵng. vắng mặt

- Ông Đinh Xuân L, sinh năm: 1963, Nơi ĐKHKTT: Tổ 10, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. vắng mặt

- Ông Huỳnh Thiện T – Địa chỉ: 21 Đ, phường T, quận T, Đà Nẵng**.** vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 04 giờ ngày 17/11/2022, Huỳnh Minh T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182 đi trên đường N, quận S, TP Đà Nẵng. Khi đến kiệt K211 đường N thì Huỳnh Minh T nhìn thấy nhà số K211/88 đường N, quận S có cửa không đóng nên T nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong để trộm cắp tài sản. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến dựng tại 01 hẻm nhỏ của đường kiệt này và đi bộ vào bên trong nhà số K211/88 đường N, quận S lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max 64GB màu vàng, đã bị bể mặt sau, 01 điện thoại di động hiệu Redmi 32GB màu đen của anh Nguyễn Hữu P (Sinh năm 2001, tạm trú tại K211/88 N, quận S) đang để trên nền của phòng khách, bên cạnh chỗ anh P đang nằm ngủ. Sau khi lấy trộm được tài sản, T quay ra điều khiển xe mô tô trở về nhà. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, T mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được đến gặp anh Thái Quang C (Sinh năm 1983, trú tổ 17, phường H, quận N) để bán. Khi trao đổi mua bán, anh Cường hỏi T nguồn gốc của điện thoại thì T nói với anh Cường: *"Điện thoại di động hiệu Redmi là của T, còn điện thoại di động hiệu Iphone 11, bị bể ở mặt sau là của vợ T, do con chơi game nên bị khóa, không nhớ mật khẩu Icloud"*. Sau khi xem, anh Cường đồng ý mua 02 điện thoại di động trên theo giá linh kiện với số tiền là 3.500.000 đồng. Số tiền này, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tang vật tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max 64GB màu vàng;
- 01 điện thoại di động hiệu Redmi 32GB màu đen;
- 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182.

Tại Kết luận số: 56 ngày 30.11.2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận S xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max 64GB màu vàng trị giá 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 32GB màu đen trị giá 800.000 đồng.

* Về dân sự: Anh Nguyễn Hữu P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Ngoài ra, anh Nguyễn Hữu P khai báo còn bị mất thêm 01 túi xách màu đen đã cũ, không có giá trị và 01 đồng hồ đeo tay, không nhớ nhãn hiệu. Qua điều tra,

Huỳnh Minh T khai ngoài việc đã trộm cắp 02 điện thoại di động thì không còn trộm cắp tài sản nào khác của anh P. Bên cạnh đó, anh P không yêu cầu gì đối với chiếc đồng hồ này nên không đề cập đến.

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182, qua điều tra xác định được xe mô tô này là do anh Đinh Xuân L (Sinh năm 1963, trú tổ 10, phường H, quận L) đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2021, anh L đã bán chiếc xe mô tô này cho Cửa hàng xe máy A, địa chỉ 21 Đ, TP Đà Nẵng. Sau đó chị Huỳnh Thị Thanh B (Sinh năm 1992, trú H03/11 906 N, TP Đà Nẵng – là vợ của T) mua chiếc xe mô tô này về sử dụng và chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, việc Huỳnh Minh T sử dụng xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182 để đi thực hiện hành vi trộm cắp, chị B không biết nên Cơ quan CSĐT CA quận S đã tiến hành trả lại cho chị B.

Tại bản cáo trạng số: 13/2023/CT- VKS ngày 01/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Huỳnh Minh T từ 15 đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản nên không đề cập giải quyết. Anh Thái Quang C không yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182, qua điều tra xác định được xe mô tô này do anh Đinh Xuân L đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2021, anh L đã bán chiếc xe mô tô này cho cửa hàng xe máy A, địa chỉ 21 Đ, TP Đà Nẵng. Sau đó chị Huỳnh Thị Thanh B (sinh năm 1992, trú H03/11 906 N, TP Đà Nẵng – là vợ của T) mua chiếc mô tô này về sử dụng và chưa làm thủ tục đổi sang tên chủ, việc Huỳnh Minh T sử dụng xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182 để đi thực hiện hành vi trộm cắp, chị B không biết nên cơ quan CSĐT CA quận S đã tiến hành trả lại xe cho chị Bình là có cơ sở.

Bị cáo Huỳnh Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình là Trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận S khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố, Tòa án nhân dân quận S xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Người bào chữa ông Thái Quốc V trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên đối với đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S hơi nghiêm khắc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo là lao động chính trong gia đình có mẹ già, vợ và 3 con nhỏ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình thuộc diện hộ nghèo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp trong vụ án này là 7.800.000 đồng đây là giá trị không lớn, hiện tại người bị hại đã nhận lại tài sản nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội

nhưng gây thiệt hại không lớn để áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại anh Nguyễn Hữu P xác định mất tài sản như Cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, hiện nay đã nhận lại toàn bộ số tài sản trên nên không có yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc, giúp đỡ mẹ già, vợ và 3 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Minh T đã khai nhận: Vào khoảng 04 giờ ngày 17/11/2022, tại nhà số K211/88 đường N, quận S, Huỳnh Minh T có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max 64GB màu vàng, đã bị bể mặt sau trị giá 7.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Redmi 32GB màu đen trị giá 800.000 đồng của anh Nguyễn Hữu P để tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt là 7.800.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Hữu P tổng số giá trị tài sản là 7.800.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn Tp Đà Nẵng nói chung và địa bàn quận S nói riêng. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo T có nhân thân xấu ngày 23/8/2012 bị TAND TP Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/01/2013; Ngày 25/9/2013 bị TAND quận N xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/9/2014 nhưng sau khi chấp hành xong các bản án bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện cho bản

thân mà tiếp tục phạm tội do đó mức án dành cho bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182, qua điều tra xác định được xe mô tô này là do anh Đinh Xuân L đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2021, anh L đã bán chiếc xe mô tô này cho Cửa hàng xe máy A, địa chỉ 21 Đ, TP Đà Nẵng. Sau đó chị Huỳnh Thị Thanh B là vợ của T mua chiếc xe mô tô này về sử dụng và chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, việc Huỳnh Minh T sử dụng xe mô tô mang biển kiểm soát 43L1 – 2182 để đi thực hiện hành vi trộm cắp, chị B không biết nên Cơ quan CSĐT CA quận S đã tiến hành trả lại cho chị B là phù hợp nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của Luật sư về việc áp dụng tình tiết "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn", Hội đồng xét thấy phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là trường hợp đã có thiệt hại xảy ra nhưng thiệt hại đó không lớn hơn so với mức bình thường, do đó cần phải đánh giá toàn diện trong vụ án này bị cáo T trước đó đã từng 02 lần thực hiện trộm cắp tài sản, đã chấp hành án xong nhưng không tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ gây là thiệt hại với số tiền 7.800.000 đồng nó thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo và hành vi trộm cắp tài sản lần này ảnh hưởng trực tiếp về mặt xã hội do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS cho bị cáo T của Luật sư.

[8] Án phí HSST bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu 200.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Minh T **1 (một) năm 3 (ba) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 18/11/2022.

2/Án phí HSST:Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: 200.000đồng bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu.

Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh